

TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT KHU VỰC HÀNH CUNG THIÊN TRƯỜNG QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ TRIỀU VUA GIA LONG NĂM THỨ 4 (1805)

TRẦN THỊ THÁI HÀ*

Nằm ở phía Nam đồng bằng sông Hồng, Nam Định là một tỉnh đông dân cư, nông nghiệp trù phú và có bề dày truyền thống lịch sử văn hóa. Vào những năm đầu thế kỉ XIII, khi dòng họ Trần tiến lên vũ đài chính trị, thiết lập vương triều Trần thay thế cho triều Lý đã hết sinh lực thì vùng đất Nam Định nói chung, Tức Mặc nói riêng đã trở thành một trong những trọng điểm trong chiến lược xây dựng củng cố quyền lực dòng họ, bảo vệ an ninh quốc gia của các đời vua nhà Trần. Hành cung Thiên Trường đã ra đời trên vùng đất này trong hoàn cảnh như vậy.

Tuy chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn với tư cách là nơi ở và làm việc của Thượng hoàng, có vị trí “thứ đô” sau Kinh đô Thăng Long, nhưng vùng đất này đã chịu nhiều tác động của vị thế địa - chính trị. Trong hoàn cảnh đó, cùng với những điều kiện tự nhiên và xã hội vốn có, tình hình ruộng đất các làng xã khu vực hành cung Thiên Trường vừa mang những nét chung của nông thôn đồng bằng sông Hồng và vừa có những nét độc đáo riêng mà trong bài viết này chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ trên cơ sở phân tích địa bạ của bốn xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ. Đây chưa phải là toàn bộ các làng xã nằm trong khu vực hành cung xưa, nhưng lại là những làng nằm cận kề với trung tâm hành cung Thiên Trường, từng có các cung Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam,

Đệ Tứ. Địa bạ Gia Long 4 của bốn xã trên hiện đang được lưu giữ và bảo quản tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, có kí hiệu Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925. Tìm hiểu về tình hình sở hữu ruộng đất của những xã này qua địa bạ không chỉ đóng góp cho việc nghiên cứu đầy đủ và sâu sắc về vị trí, vai trò của phủ Thiên Trường trong lịch sử. Hơn thế, từ kết quả khảo sát thực trạng ruộng đất ở khu vực vốn từng được coi như một “hành đô” hay “thứ đô” sau Kinh thành Thăng Long còn cho thấy những dấu ấn của một trung tâm chính trị-hành chính của đất nước thế kỉ XIII-XIV còn tồn tại đến tận đầu thế kỉ XIX; góp phần lí giải một số vấn đề liên quan đến đô thị Vị Hoàng - tiền thân của Thành phố Nam Định ngày nay.

1. Vài nét về các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ

Bốn xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ vào đầu thế kỉ XIX về mặt hành chính đều thuộc tổng Đệ Nhất, huyện Mĩ Lộc, phủ Thiên Trường, xứ Sơn Nam Hạ (1). Huyện Mĩ Lộc nằm ở phía Bắc của tỉnh Nam Định, là một trong các huyện thuộc phủ Thiên Trường xưa. Đầu thế kỉ XIX, huyện Mĩ Lộc gồm bảy tổng với 53 xã, trang, trong đó, tổng Đệ Nhất gồm 11 xã: Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ, Đông Quang, Nhuệ Khê, Lựu Viên, Kim Hưng, Hoa Nha, Thiên Bồi, Hương Bông. Sau

* Th.S. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

nhiều lần điều chỉnh địa giới, hiện nay, Đệ Nhất và Đệ Nhị là hai thôn thuộc xã Mĩ Trung, Đệ Tam thuộc xã Mĩ Phúc của huyện Mĩ Lộc, còn Đệ Tứ thuộc phường Lộc Hạ của Thành phố Nam Định (2).

Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ là những làng có lịch sử hình thành khá sớm. Từ những ghi chép rải rác trong các cuốn địa chí cũng như truyền thuyết dân gian lưu truyền tại địa phương, có thể đi đến một giả thiết các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ đều được thành lập trên nền móng của khu vực hành cung cũ của triều Trần.

Vào đầu thế kỉ XIX, theo thông tin từ địa bạ, địa giới của 4 xã trên có thể hình dung như sau:

+ Xã Đệ Nhất giáp với Đệ Nhị về phía Nam, giáp Đệ Tam về phía Tây.

+ Xã Đệ Nhị giáp với Đệ Tứ về phía Đông, Đệ Nhất về phía Nam và Bắc.

+ Xã Đệ Tam giáp với Đệ Nhất về phía Đông.

+ Xã Đệ Tứ giáp với Đệ Nhị về phía Tây.

Cả 4 xã trên đều có sông, suối, ngòi nhỏ chảy quanh. Ranh giới giữa các xã được quy ước tùy theo đặc điểm địa hình tự nhiên, có thể là bờ ruộng, cây cổ thụ, nửa bờ ruộng, nửa đường nhỏ, nửa con đường, nửa con ngòi, bờ sông, đường... theo thói quen, tập quán sinh hoạt cũng như truyền thống của các làng được lưu giữ từ đời này sang đời khác, không phụ thuộc vào sổ hộ nông dân hay sổ lượng ruộng đất nhất định.

Về dân số của bốn xã trên vào đầu thế kỉ XIX là thời điểm lập địa bạ chúng tôi không có tư liệu để đưa ra con số cụ thể. Tuy nhiên, theo những nghiên cứu của P. Gourou vào những năm 30 của thế kỉ XX, thì Nam Định là tâm điểm của vùng có mật độ dân cư cao nhất ở châu thổ Bắc Kỳ. Đặc biệt, theo phân loại của P. Gourou thì Đệ Tứ còn là một trong số những làng "quá đông dân": 2513 người/1,4 km², tương

đương với mật độ 1790 người/1km², trong khi mật độ dân số trung bình của vùng hạ châu thổ sông Hồng (gồm một số khu vực thuộc các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Thái Bình) chỉ là 830 người/1km² (3).

Cả bốn làng Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ đều bảo lưu cho đến ngày nay những công trình văn hoá tín ngưỡng và các sinh hoạt lễ hội dân gian hết sức phong phú, đặc sắc. Tại đình, chùa, đền, miếu vào các dịp lễ tiết trong năm thường diễn ra những nghi lễ thờ cúng hết sức trang trọng, là cội nguồn sức mạnh tinh thần của người dân nơi đây. Theo tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm thì làng Đệ Nhất có 21 đạo sắc ở đình, chùa, đền, miếu và 2 cuốn thần tích; làng Đệ Nhị có 27 đạo sắc; làng Đệ Tam có 4 tấm bia cổ, 11 đạo sắc ở đình; làng Đệ Tứ có 5 tấm bia cổ và 8 đạo sắc ở đình, phủ (4).

2. Tình hình ruộng đất của các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ

Trên cơ sở nguồn tài liệu địa bạ Gia Long 4, chúng tôi cố gắng phục dựng lại diện mạo ruộng đất của các xã nêu trên ở đầu thế kỉ XIX, thể hiện trong các bảng sau (số liệu về đất đai trong toàn bài viết được hiểu là mẫu, sào, thước, tấc):

Trong bốn xã, Đệ Nhất là xã có tổng diện tích công tư điền thổ lớn nhất: 581 mẫu, 6 sào, 6 thước, 6 tấc và ít nhất là xã Đệ Tứ - có 353 mẫu, 14 thước, 8 tấc. So sánh với các làng xã ở Tây Đô (Thanh Hóa), hay ở Hà Đám (Hòa An, Cao Bằng) cho thấy quy mô của một làng, xã ở khu vực phủ Thiên Trường lớn hơn nhiều, và thậm chí vượt trội hơn cả ấp Kiên Mĩ của Bình Định (5).

Phân tích địa bạ cho thấy, tại khu vực trung tâm phủ Thiên Trường xưa sở hữu công chiếm tỉ lệ cao - từ 68% đến 76%. Điều đó xác nhận thông tin mà Phan Huy Chú đã đưa ra trong *Lịch triều hiến chương loại chí* là hoàn toàn chính xác: "nước ta trấn Sơn Nam hạ là có nhiều ruộng công, đất

Bảng 1: Tình hình công, tư điền thổ của 4 xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ đầu thế kỉ XIX theo địa bạ Gia Long 4 (1805)

Đệ Nhất			Đệ Nhị			Đệ Tam			Đệ Tứ		
Công điền	Tư điền	Loại không tính thuế	Công điền	Tư điền	Loại không tính thuế	Công điền	Tư điền	Loại không tính thuế	Công điền	Tư điền	Loại không tính thuế
446.129	55.772	84.312.5	330.428	57.625	66.685	279.212.7	51.322	46.51.7	241.333	46.64.0	65.012.5
Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 581.6.6.6			Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 456.6.10.2			Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 376.1.4.2			Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 353.0.14.8		

(Nguồn: Địa bạ các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ; kí hiệu: Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925 lưu tại TT LTQG I)

Bảng 2: Tình hình công, tư điền của 4 xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ đầu thế kỉ XIX theo địa bạ Gia Long 4 (1805)

Đệ Nhất				Đệ Nhị				Đệ Tam				Đệ Tứ			
Công điền	Tỷ lệ	Tư điền	Tỷ lệ	Công điền	Tỷ lệ	Tư điền	Tỷ lệ	Công điền	Tỷ lệ	Tư điền	Tỷ lệ	Công điền	Tỷ lệ	Tư điền	Tỷ lệ
446.129	7%	55.772	9%	330.428	7%	57.625	12%	279.212.7	70,4%	51.322	13%	241.333	6%	46.64.0	13,1%
Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 581.6.6.6				Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 456.6.10.2				Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 376.1.4.2				Tổng diện tích công tư điền thổ bản xã : 353.0.14.8			

(Nguồn: Địa bạ các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ; kí hiệu: Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925 lưu tại TT LTQG I)

Bảng 3: Các loại đất không tính thuế của 4 xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ đầu thế kỉ XIX qua địa bạ Gia Long 4 (1805)

Tên các xã	Ruộng cúng giỗ	Công thổ	Đất ao vườn	Đất khô hạn	Tha ma	Đất gò	Đất bỏ hoang	Tỉ lệ
Đệ Nhất	14.5.4.3	0.2.0.0	64.9.8.2	1.2.0.0	2.8.0.0	0.7.0.0		14,4%
Đệ Nhị	4.4.3.0	3.9.1.0	58.3.4.5					15,2%
Đệ Tam	14.7.9.7	0.2.0.0	31.5.7.0				20.0.0.0	16,6%
Đệ Tứ	15.5.13.3	0.2.10.2	49.2.14.0					18,6%

(Nguồn: Địa bạ các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ; kí hiệu: Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925 lưu tại TT LTQG I)

bãi công... Còn các xứ khác thì các hạng ruộng công không có mấy" (6).

Ở cả 4 xã, đa phần là ruộng thực trưng. Duy chỉ Đệ Nhất và Đệ Tam là có đất khô hạn, ruộng hoang, đồi gò hoặc bỏ hoang. Đặc biệt, tha ma mộ địa chỉ có ở Đệ Nhất. Ba xã còn lại hoàn toàn không có loại đất này (xem bảng 3).

Điều đáng lưu ý là ở cả 4 xã, tổng diện tích công tư điền thổ mà xã kê khai trong

phần đầu địa bạ đều không trùng khớp với con số thực tế khi đem cộng lại từng loại điền, thổ (xem bảng 4).

Sự chênh lệch giữa số liệu địa phương khai báo và số liệu thực tế là tình trạng khá phổ biến không chỉ có ở địa bạ của các xã thuộc địa bàn nghiên cứu của bài viết mà còn thấy trong địa bạ của một vài địa phương khác như Thái Bình, Bình Định, Cao Bằng... mà nguyên nhân là do có thể

Bảng 4: So sánh số liệu làng kê khai và diện tích thực có trong địa bạ của 4 xã

Đệ Nhất			Đệ Nhị			Đệ Tam			Đệ Tứ		
Diện tích khai ở địa bạ	Diện tích thực tế	Diện tích chênh lệch	Diện tích khai ở địa bạ	Diện tích thực tế	Diện tích chênh lệch	Diện tích khai ở địa bạ	Diện tích thực tế	Diện tích chênh lệch	Diện tích khai ở địa bạ	Diện tích thực tế	Diện tích chênh lệch
581.6.6.6	586.3.2.6	+4.6.10.1	456.6.10.2	454.6.13.3	-1.9.11.9	376.1.4.2	376.9.13.6	+0.8.9.4	353.0.14.8	353.0.4.8	-0.0.8.0

* Lưu ý: dấu (+) chỉ sự vượt trội, dấu (-) chỉ sự hụt giữa diện tích thực có với số kê khai

(Nguồn: Địa bạ Gia Long 4 các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ; kí hiệu: Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925 lưu tại TT LTQG I)

Bảng 5: Tình hình sở hữu ruộng tư ở các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ theo địa bạ Gia Long 4

Quy mô sở hữu	Đệ Nhất				Đệ Nhị				Đệ Tam				Đệ Tứ			
	Số chủ		Diện tích sở hữu		Số chủ		Diện tích sở hữu		Số chủ		Diện tích sở hữu		Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Diện tích	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Diện tích	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Diện tích	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Diện tích	Tỉ lệ %
Dưới 1 mẫu	23	53,5	10.3.14.9	18,9	5	21,7	2.8.4.0	5	26	24,3	11.9.0.0	24,8	0	0	0	0
1-3 mẫu	14	32,6	21.6.6.3	39,3	12	52,2	17.9.2.5	31,2	9	26,9	13.2.9.0	26,7	8	53,3	12.2.3.9	29,5
3-5 mẫu	6	13,9	22.9.11.5	41,8	4	17,4	15.0.2.0	25,9	6	48,8	24.0.5.0	48,5	5	33,4	16.2.0.0	39,2
Trên 5 mẫu	0	0	0.0.0.0	0	2	8,7	21.8.7.0	37,9	0	0	0.0.0.0	0	2	13,3	12.9.7.6	31,3
Tổng cộng	43	100	55.0.2.7	100	23	100	57.6.0.5	100	41	100	49.5.13.5	100	15	100	41.3.11.5	100

Nguồn: Địa bạ Gia Long 4 các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ, kí hiệu Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925, TTTL Quốc gia I

đã xảy ra sai sót, nhầm lẫn trong quá trình ghi, sao chép, đo đạc... của chức dịch. Vì vậy, khi xử lí số liệu, chúng tôi dựa trên số liệu thực tế. Vì mức độ sai số ở bốn xã trên là không đáng kể, do vậy không ảnh hưởng đến diện mạo chung tình hình sở hữu ruộng đất tại đây.

Ngược lại với tình trạng sở hữu công, sở hữu tư nhân về ruộng đất ở cả 4 xã trên đều kém phát triển, chiếm tỉ lệ nhỏ bé, nhiều nhất là 13,1% ở xã Đệ Tứ và ít nhất là Đệ Nhất: 9,5%. Thậm chí, ở cả 4 xã, ruộng tư còn ít hơn cả ruộng đất thuộc loại không đánh thuế (tha ma, mộ địa, đất công, đất đình chùa...) (xem bảng 5).

Bảng 5 cho thấy, lớp sở hữu phổ biến ở cả 4 xã là từ 0-1 mẫu, 1-3 mẫu, 3-5 mẫu. Trong tổng số 122 chủ sở hữu của 4 xã thì chỉ có 4 chủ sở hữu trên 5 mẫu. Đệ Tứ là xã

duy nhất không có sở hữu dưới 1 mẫu, đồng thời số chủ sở hữu ở đây cũng ít nhất (15 chủ, nắm trong tay toàn bộ ruộng tư của xã).

Sở hữu trung bình ở 4 xã là:

Đệ Nhất là 1.2.11.9/1 chủ sở hữu

Đệ Nhị là 2.0.7.0/1 chủ sở hữu

Đệ Tam là 1.2.0.14/1 chủ sở hữu

Đệ Tứ là 2.7.8.8/1 chủ sở hữu

So với Thái Bình là tỉnh giáp ranh - nơi có sở hữu trung bình là 9.1.10.0 thì quy mô sở hữu tư nhân trung bình ở cả 4 xã trên đều nhỏ hơn.

Ngoài chủ ruộng là một người cụ thể, ở các xã Đệ Nhất và Đệ Tứ, đứng ở vị trí chủ ruộng còn có đình, hội Văn, và các giáp của làng, xã sở tại hoặc lân cận. Cụ thể là ở Đệ Nhất, có sở hữu của đình Hàn Miếu, đình

Hữu Bị, hội Văn tổng Đệ Nhất. Còn ở xã Đệ Tứ có sở hữu của giáp Đoan Biểu, giáp Bắc, giáp Đông, giáp Nam. Hơn nữa, các giáp này có quy mô sở hữu tương đối lớn so với mặt bằng chung, chủ yếu tập trung ở lớp sở hữu từ 3-5 mẫu (giáp Bắc, giáp Đoan Biểu, giáp Nam) và trên 5 mẫu (giáp Đông). Điều đó cho thấy, hình thức sở hữu ruộng tư ở khu vực này là khá đa dạng.

Phần lớn các xã đều có hiện tượng phụ canh. Chủ phụ canh là những người ở xã lân cận, có thể cùng tổng hoặc khác tổng. Quy mô sở hữu của chủ phụ canh cũng rất đa dạng, từ vài sào đến trên 3 mẫu. Chủ phụ canh có thể là người dân, hoặc cũng có thể là đình, hay một tổ chức như hội Văn của tổng Đệ Nhất, giáp... Hoa lợi từ sở ruộng này có lẽ để chi dùng vào việc cúng tế ở đình hay những công việc chung của cộng đồng, của hội hay giáp nào đó trong làng. Số ruộng phụ canh dưới danh nghĩa một tập thể như vậy chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trên tổng số tư điền của xã.

Qua phân tích địa bạ của 4 xã còn cho thấy những thông tin khá thú vị về sở hữu ruộng tư của các dòng họ ở khu vực vốn là hành cung Thiên Trường xưa. Tình hình sở

hữu ruộng tư của các dòng họ ở đây được thể hiện qua bảng 6:

Từ bảng 6 cho thấy rõ, trong cả 4 xã, chủ ruộng mang họ Trần đều chiếm tỉ lệ cao trên 55%. Cá biệt có xã Đệ Tứ, 100% chủ sở hữu là người họ Trần. Chúng ta không đủ tư liệu để biết được vào thời điểm lập địa bạ ở Đệ Tứ có những dòng họ nào sinh sống, tuy nhiên qua địa bạ chỉ thấy sự hiện diện duy nhất của họ Trần (Trần Xuân, Trần Viết, Trần Trọng, Trần Danh ở Đệ Tứ có thể là các họ khác nhau, nhưng trong nghiên cứu này chúng tôi tạm xếp chung là họ Trần). Sở hữu của họ Trần ở Đệ Tứ là 28.2.10.6, tức vào khoảng 68,3% tổng ruộng tư của toàn xã.

Xếp sau họ Trần về số lượng chủ sở hữu là họ Nguyễn, rồi đến các họ Bùi, Lương, Mai, Hoa, Tạ. Nếu như ở các tỉnh Hà Đông, Thái Bình, quy mô của mỗi họ với quy mô sở hữu ruộng tư của họ đó không có mối quan hệ gì (7), thì ở 4 xã thuộc địa bàn trung tâm của phủ Thiên Trường xưa - nơi phát tích của dòng họ Trần lại hoàn toàn khác. Tại đây, số chủ ruộng thuộc họ Trần là đông đảo nhất và quy mô sở hữu tư điền cũng lớn nhất so với tất cả các dòng họ

Bảng 6: Sở hữu ruộng tư của các dòng họ ở bốn xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ qua địa bạ Gia Long 4

Các họ	Đệ Nhất				Đệ Nhị				Đệ Tam				Đệ Tứ			
	Số chủ		Diện tích sở hữu		Số chủ		Diện tích sở hữu		Số chủ		Diện tích sở hữu		Số chủ		Diện tích sở hữu	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Diện tích	Tỉ lệ %												
Trần	21	55,3	35.8.8.5	70,5	17	74	40.1.8.5	72,3	37	90,4	45.2.13.5	91,3	11	11	28.2.10.6	100
Nguyễn	12	31,6	12.7.4.0	25,0	4	17,4	9.3.8.0	16,2	1	2,4	1.1.0.0	2,2	0	0	0	0
Bùi	4	10,5	2.0.0.0	4,0	0	0	0	0	1	2,4	1.1.0.0	2,2	0	0	0	0
Hoa	1	2,6	0.2.10.0	0,5	1	4,3	3.7.2.5	6,5	0	0	0	0	0	0	0	0
Mai	0	0	0	0	1	4,3	2.9.0.0	5,0	0	0	0	0	0	0	0	0
Lương	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2,4	0.3.0.0	0,6	0	0	0	0
Tạ	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2,4	1.8.0.0	3,7	0	0	0	0
Tổng cộng	38	100	50.8.8.2	100	23	100	57.6.0.5	100	41	100	49.5.13.3	100	11	100	28.2.10.6	100

Nguồn: Địa bạ Gia Long 4 các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ, kí hiệu Q 5922, Q 5924, Q 5923, Q 5925, TLLT Quốc gia 1

Bảng 7: Sở hữu của chức sắc ở các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ theo tư liệu địa bạ Gia Long 4

Xã	Chức dịch				Diện tích		
	Tổng số	Không ruộng		Có ruộng		Số lượng	%
		Số lượng	%	Số lượng	%		
Đệ Nhất	6	4	66,7	2	33,3	2.6.2.5	4,8
Đệ Nhị	7	3	42,9	4	57,1	8.2.10.5	14,4
Đệ Tam	5	4	80	1	20	3.7.10.0	7,6
Đệ Tứ	5	1	20	4	80	8.9.4.0	19,6

Nguồn: Địa bạ Gia Long 4 các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ, kt hiệu Q 5922, Q 5924, Q5923, Q 5925, TTLT Quốc gia 1

khác.

Địa bạ còn cung cấp những số liệu cụ thể, qua đó có thể thấy vai trò kinh tế của đội ngũ những người có chức vị ở làng xã như bảng 7.

Bảng 7 cho thấy, ở bốn xã không phải chức dịch nào cũng có ruộng tư. Và nếu có, sở hữu của họ cũng không lớn. Riêng ở Đệ Tứ, 80% số chức dịch có ruộng và sở hữu của họ chiếm tỉ lệ cao nhất trong 4 xã chúng tôi nghiên cứu. Nhìn chung, sở hữu của bộ phận chức sắc ở làng xã không có vai trò, ảnh hưởng gì trong tình hình sở hữu ruộng đất của địa phương nói chung hay đủ mạnh để chi phối hoạt động sản xuất nông nghiệp bởi lẽ sở hữu tư của họ quá nhỏ bé.

Từ những bảng số liệu trình bày và phân tích trên đây có thể rút ra một số nhận xét sau:

1. Bốn xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ là những xã có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Tại đây, chế độ ruộng đất đã tương đối định hình, ruộng đất công chiếm ưu thế và đóng vai trò quan trọng trong đời sống nhân dân nơi đây. Trong 4 xã trên, Đệ Nhất có tỉ lệ ruộng công lớn nhất là 76,1%, và ít nhất là Đệ Tứ thì ruộng công cũng chiếm tới 68,3% - cao hơn mức bình quân của toàn huyện Mĩ Lộc là 46, 2% (8).

2. Bên cạnh sở hữu công chiếm ưu thế, sở hữu tư có tỉ lệ nhỏ bé với quy mô sở hữu manh mún, chủ yếu phổ biến ở các lớp sở hữu dưới 1 mẫu hoặc từ 1-3 mẫu. Điều này cho thấy ở đây quá trình tư hữu hoá rất hạn chế, dường như không tồn tại tình trạng bao chiếm ruộng đất của địa chủ, cường hào như các nơi khác cùng thời điểm bởi lẽ không thấy có sự hiện diện của tầng lớp địa chủ lớn, hơn nữa bộ phận chức dịch làng xã không phải ai cũng có ruộng, nếu có thì số lượng cũng nhỏ bé. Sự phát triển của tư hữu ruộng đất nửa đầu thế kỉ XIX ở nước ta là xu thế nổi trội, tuy nhiên tại vùng đất thuộc trung tâm của phủ Thiên Trường xưa kia có lẽ nó đã không có điều kiện phát triển, hoặc bị kìm hãm bằng những chính sách chặt chẽ của chính quyền trung ương. Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ đều nằm ở khu vực trung tâm, trong vùng chịu tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ của trung tâm chính trị Tức Mặc - Thiên Trường trong suốt hai thế kỉ XIII - XIV dưới thời Trần, rồi trị sở của lộ, trấn Sơn Nam Hạ, trấn Nam Định rồi tỉnh Nam Định trong các thế kỉ XVII - XVIII - XIX. Thực tế lịch sử cho thấy, càng gần các trung tâm chính trị thì hiện tượng tư hữu hoá ruộng đất càng kém phát triển.

3. Trong cả 4 xã, qua tư liệu địa bạ cho thấy đa phần là ruộng vụ thu. Ruộng loại 3

chiếm tỉ lệ cao, sau đó là ruộng loại 2 và ít nhất là ruộng loại 1. Địa hình ở đây khá bằng phẳng, không bị chia cắt, lại có nhiều sông ngòi chảy quanh, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp. Mặc dù hình thành trên phù sa của sông Hồng nhưng đất đai ở đây vẫn có nơi bị khô hạn, bị bỏ hoang như thực tế được ghi nhận ở Đệ Nhất và Đệ Tam.

4. Hiện tượng phụ canh khá phổ biến. Quy mô sở hữu của chủ phụ canh phần lớn cũng ở mức đồng đều như chủ phân canh, cá biệt có trường hợp đình Hữu Bị phụ canh ở Đệ Nhất có sở hữu trên 3 mẫu. Đệ Tam là xã có nhiều chủ phụ canh hơn cả (24/41) trong khi đây là xã thuần nông, không có nghề phụ. Điều này gợi cho chúng tôi đi đến giả thiết, đó là ở Đệ Tam chắc chắn đã tồn tại một môi trường kinh tế - xã hội tương đối cởi mở, thuận lợi cho việc phát triển mở rộng tư hữu ruộng đất đối với những người có tiền của ở những làng xã lân cận. Cần lưu ý rằng mặc dù là xã có số lượng chủ phụ canh từ các làng lân cận đông hơn so với 3 xã còn lại, nhưng ruộng để hoang của làng vẫn còn khá nhiều, và đây cũng là nơi duy nhất trong cả 4 xã có ruộng bỏ hoang với diện tích 20.0.0.0 ruộng hai vụ hạ thu ở xứ đồng Quân Phiêu (3.2.0.0 ruộng loại 1; 2.2.0.0 ruộng loại 2 và 14.6.6.6 loại 3); 7.0.0.0 loại 3 ở xứ đồng Cùng Vạn; 23.0.12.5 ở xứ đồng Sạ Dích, trong đó loại 1 là 1.8.0.0 và loại 3 là 21.2.12.5.

5. Tầng lớp chức sắc sở hữu một số lượng ruộng đất ít ỏi và không phải người nào có chức quyền trong làng xã cũng có ruộng tư. Tỉ lệ chức sắc không có ruộng ở Đệ Nhất, Đệ Nhị và Đệ Tam nhìn chung cao hơn ở Thái Bình (43,4%) và Hà Đông (33,09%).

6. Ở cả 4 xã, họ Trần chiếm số lượng đông đảo và có quy mô sở hữu ruộng tư lớn nhất. Sau đó đến họ Nguyễn và các họ

khác. Đây là điều đặc biệt chỉ có ở khu vực Túc Mặc - Thiên Trường xưa, nơi phát tích của dòng họ Trần và còn lưu giữ rất nhiều di tích thời Trần cũng như người thuộc dòng họ này vẫn tiếp tục sinh sống tại đây từ đời này sang đời khác. Theo truyền thuyết địa phương, rất nhiều người từ các nơi khác đã về đây tham gia xây dựng hành cung Thiên Trường và sau đó được vua Trần ban quốc tính. Họ ở lại vùng đất này sinh cơ, lập nghiệp, hình thành nên hàng loạt các làng xóm mới bên cạnh khu vực hành cung. Như vậy, mặc dù thời điểm khảo sát lập địa bạ là đầu thế kỉ XIX, nhưng dấu ấn của một khu vực từng là thứ đô, một trung tâm chính trị - hành chính - kinh tế - văn hoá của đất nước cách đó hơn 500 năm vẫn còn đậm nét.

7. Những thông tin quý giá về ruộng đất mà địa bạ cung cấp cho phép hình dung con đường phát triển của vùng đất Túc Mặc - Thiên Trường, từ một hương Túc Mặc chuyển thành phủ Thiên Trường giữ vị trí thứ đô thời Trần. Vào giai đoạn sau, trên cơ sở sản xuất nông nghiệp phát triển cộng thêm những yếu tố khách quan về tự nhiên, chính trị, xã hội thuận lợi mà vùng đất này đã có những chuyển biến mạnh mẽ, đưa đến sự hình thành một đô thị ven sông - đô thị Vị Hoàng, tồn tại và phát triển từ thế kỉ XVI, rồi trở thành tiền thân của Thành phố Nam Định đầu thế kỉ XX. Hơn thế, thực trạng sở hữu ruộng đất của các làng xã khu vực hành cung Thiên Trường xưa, đồng thời nằm cận kề đô thị Vị Hoàng trong giai đoạn sau đã góp phần làm rõ tính chất, chức năng của đô thị Vị Hoàng cũng như đánh giá đúng vai trò của cư dân địa phương, của hoạt động kinh tế toàn vùng trong sự hình thành và phát triển của đô thị này.

(Xem tiếp trang 70)

hợp pháp ở Bắc Kỳ và 1 chính phủ hợp pháp ở Huế, nhằm điều đình ngay lập tức với chính phủ Trung Quốc. Nếu chậm trễ các ông sẽ mất hết. Hãy để vấn đề chính trị nội bộ về sau. Hơn nữa, hoàng đế của các ông là người duy nhất chính thức được các

chính phủ khác công nhận. Hoàng đế đã có những bước khởi động quốc tế đầu tiên đáng thừa nhận. Nếu các ông muốn, các ông có thể yêu cầu hoàng thượng thoái vị sau, khi các ông thực sự đã độc lập.

Xin gửi lời chào kính trọng.

TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT KHU VỰC HÀNH CUNG THIÊN TRƯỜNG...

(Tiếp theo trang 38)

CHÚ THÍCH

- (1). Ngô Vi Liên: *Tên làng xã và địa danh các tỉnh Bắc Kỳ*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 91.
- (2). Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định: *Địa chí tỉnh Nam Định*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 29.
- (3). Pierre Gourou: *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Viễn Đông bác cổ, Nxb. Trẻ, 2003, tr. 152.
- (4). *Xã chí*. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AJ 7/4.
- (5). Nguyễn Thị Thuý: *Tình hình ruộng đất khu vực thành Tây Đô qua một số địa bạ thời Minh Mạng*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6-2008, tr. 59-65; Nguyễn Thị Hải: *Tình hình ruộng đất ở Nhà Lữ (Hoà An - Cao Bằng) nửa đầu thế kỉ XIX qua tư liệu địa bạ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6-2009, tr. 30-40.
- (6). Phan Phương Thảo: *Biến đổi sở hữu ruộng đất ở Kiên Mi (Bình Định) sau chính sách quân điền năm Minh Mệnh thứ 20 (1839)*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4-2001, tr. 24.
- (7). Phan Huy Lê (chủ biên): *Địa bạ Thái Bình*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1997, tr. 35.
- (8). Dẫn theo Nguyễn Hồng Phong: *Di sản làng xã trước cách mạng xã hội chủ nghĩa trong Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 463, 465.